

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONG NGHE VIET DEVELOPMENT AND INVESTMENT SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CONG NGHE VIET DEVELOPMENT AND INVESTMENT SERVICES CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108337168

3. Ngày thành lập: 25/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 42C, ngõ 159 phố Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 01272546789

Fax:

Email: traphuong.vu@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
2.	Sản xuất giống thủy sản	0323
3.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
4.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn... - Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua, - Sản xuất nỉ, - Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí	1329
5.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
6.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
7.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
8.	Sản xuất giày dép	1520
9.	Cửa, xe, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
10.	Phá dỡ	4311
11.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
12.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

13.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
14.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
15.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
16.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
17.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy máy tính	8559
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác Chi tiết: Hoạt động dịch vụ theo kế ước hoặc hợp đồng, theo yêu cầu để phục vụ cho hoạt động khai thác. Hoạt động dịch vụ khai thác như các thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò.	0990
20.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
21.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
22.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
23.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
24.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
25.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
26.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc dưới bề mặt ; + Xây dựng bể bơi ngoài trời	4390
27.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4511
28.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất	7410
30.	Khai thác thủy sản biển	0311
31.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
32.	Sản xuất sợi	1311
33.	Đúc sắt, thép	2431

34.	Đúc kim loại màu	2432
35.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
36.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
37.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
38.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
39.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
40.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
41.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
42.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
43.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
44.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
45.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4513
46.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
47.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
48.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
49.	Sản xuất nhạc cụ	3220
50.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
51.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
52.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
53.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
54.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
55.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc và thiết bị văn phòng không kèm người điều khiển;	7730
56.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
57.	Đại lý du lịch	7911
58.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
59.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
60.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
61.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
62.	Xây dựng nhà các loại	4100
63.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

64.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đầu giá)	4543
65.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác;	4641
66.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy vệ sinh công nghiệp	4659
67.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
68.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nón trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt	4773
69.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
70.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
71.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa	7912
72.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cát, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng; - Vệ sinh máy móc công nghiệp;	8129
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Căn cứ theo điều 28 Luật thương mại năm 2005) (Loại trừ hoạt động đầu giá)	8299
74.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
76.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) Chi tiết: Sản xuất màn, rèm, mành, ga trải giường, tấm phủ máy móc hoặc bàn ghế	1322
77.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
78.	Cho thuê xe có động cơ	7710
79.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321

80.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
81.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
82.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
83.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
84.	Sản xuất đồng hồ	2652
85.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
86.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
87.	Thu gom rác thải độc hại	3812
88.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
89.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
90.	Xây dựng công trình công ích	4220
91.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
92.	Bán buôn thực phẩm	4632
93.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, véc ni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su	4663
94.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
95.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
96.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
98.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
99.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.	5629
100.	Xuất bản phần mềm Trừ xuất bản phẩm)	5820
101.	Lập trình máy vi tính	6201
102.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
103.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
104.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020(Chính)
105.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

106.	Quảng cáo	7310
107.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
108.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
109.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
110.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
111.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
112.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
113.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
114.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
115.	In ấn	1811
116.	Sao chép bản ghi các loại	1820
117.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
118.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện hỗn hợp khác không phải là máy phát, mô tơ hay máy truyền tải điện năng, pin, ắc quy, dây dẫn, thiết bị có dây dẫn, thiết bị chiếu sáng và thiết bị điện gia dụng	2790
119.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
120.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: + Các xưởng hoá chất, - Xây dựng công trình cửa như: + Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... + Đập và đê. - Xây dựng đường hầm; - Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
121.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài) (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
122.	Bán buôn đồ uống	4633
123.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
124.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
125.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
126.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại loại (trừ quặng uranium và thorium);	4662
127.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

128.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
129.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
130.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
131.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
132.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...)	9610
133.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ thẩm mỹ, dịch vụ chăm sóc da, chăm sóc sắc đẹp, phun xăm, phun thêu thẩm mỹ (không bao gồm phẫu thuật gây chảy máu)	9639

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	VŨ THỊ TRÀ PHƯƠNG	1D-L5 Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.000.000.000	60,000	012810185	
2	NGUYỄN THỊ MAI XUÂN	1D – L5, Phố Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	011426676	
3	VŨ VĂN TIỀN	1D – L5, Phố Thái Thịnh, , Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.000.000.000	20,000	011389824	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ THỊ TRÀ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 04/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012810185

Ngày cấp: 09/04/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *ID-L5 Thái Thịnh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 230 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội